

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2024

V/v: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2024, về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Võ Thanh S, sinh năm 1987; địa chỉ số C, tổ B, khu B, thị trấn C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

* **Bị đơn:** Trần Thị Trúc L, sinh năm 1993; địa chỉ số D, Khóm A, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/6/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Võ Thanh S trình bày:

Sau khi quen biết, ông và bà Trần Thị Trúc L được cha mẹ hai bên tiến hành lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/6/2013. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên đã ly thân từ năm 2014 đến nay, cuộc sống của ai người đó sống, không ai quan tâm

đến ai. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Trúc L.

Về con chung, có 01 con chung tên Võ Trần Như Ý, sinh ngày 06/12/2013; hiện nay cháu Ý đang sống chung với bà L, do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và theo nguyện vọng của con nên ông đồng ý giao cháu Ý cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Thị Trúc L không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh S và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Thanh S khởi kiện bà Trần Thị Trúc L có địa chỉ tại thành phố V để yêu cầu xin ly hôn và nuôi con; cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hôn nhân và gia đình “Ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Trần Thị Trúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thanh S, Hội đồng xét xử thấy: Ông S và bà L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/6/2013, nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay; vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo cho bà L biết việc ông S xin ly hôn nhưng bà L không có ý kiến phản đối, bỏ mặt ông S đơn phương xin ly hôn. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông S và bà L đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, ông S yêu cầu được ly hôn với bà L là có cơ sở chấp nhận phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Ông S, bà L có 01 con chung tên Võ Trần Như Ý, sinh ngày 06/12/2013. Xét thấy, từ năm 2014 cho đến nay cháu Ý được bà L nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ, đồng thời cháu có nguyện vọng sống với bà L. Do đó, để đảm bảo cuộc sống cho cháu Ý không bị xáo trộn về chỗ ở và học hành nên tiếp tục giao con cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ý tròn 18 tuổi. Xét thấy sự tự nguyện của ông S không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Thanh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Võ Thanh S **phải** chịu 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Thanh S. Ông S được ly hôn với bà Trần Thị Trúc L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Trần Như Ý, sinh ngày 06/12/2013 cho bà Trần Thị Trúc L nuôi dưỡng. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Thanh S về việc cấp dưỡng nuôi con Võ Trần Như Ý mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Ý tròn 18 tuổi.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Võ Thanh S chịu 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007072, ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên ông S phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

5. Nghĩa vụ thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA TPVL;
- Các đ/s.
- UBND Phường 9, thành phố Vĩnh Long; (số 42, ngày 18/6/2013)
- Lưu: Hồ sơ,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tấn Thành